

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009


30.03.2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 21



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Châu	Chủ tịch
Ông Bùi Tuấn Trung	Ủy viên
Ông Hà Huy Thắng	Ủy viên
Ông Mai Viết Sinh	Ủy viên
Ông Phạm Văn Nam	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hà Huy Thắng	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 20/3/2009)
Ông Trần Ngọc Châu	Tổng Giám đốc	(Đến ngày 19/3/2009)
Ông Trần Viết Bình	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Lèo	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Văn Cung	Phó Tổng Giám đốc	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2010

Số: *MB* /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”). Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán:

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với ý kiến chấp nhận toàn phần. Trên cơ sở tài liệu được cung cấp, chúng tôi không thu thập được bằng chứng kiểm toán về số dư đầu kỳ cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số liệu so sánh cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của những vấn đề hạn chế nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Ý kiến (tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15/10/2009. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 sẽ giảm 1.279.157.805 đồng và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2009 sẽ tăng một khoản tương ứng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2010

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 0891/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2009

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		303.962.733.996	332.558.334.093
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		29.271.767.892	22.148.821.059
1. Tiền	111	5	29.271.767.892	22.148.821.059
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	24.528.463.000	17.364.828.365
1. Đầu tư ngắn hạn	121		27.502.857.782	22.732.983.887
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.974.394.782)	(5.368.155.522)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		128.823.456.872	113.854.772.803
1. Phải thu khách hàng	131		108.534.467.418	68.977.000.812
2. Trả trước cho người bán	132		12.635.130.144	27.074.794.853
3. Các khoản phải thu khác	135	7	7.653.859.310	17.802.977.138
IV. Hàng tồn kho	140	8	103.488.213.418	167.899.234.138
1. Hàng tồn kho	141		103.754.040.278	177.842.597.882
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(265.826.860)	(9.943.363.744)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.850.832.814	11.290.677.728
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		184.805.457	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.897.315.037	5.984.258.247
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	53.728.864
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		8.768.712.320	5.252.690.617
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		183.186.065.195	57.120.235.985
I. Tài sản cố định	220		106.947.795.150	18.673.695.676
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	99.814.711.955	10.893.195.257
- Nguyên giá	222		105.634.778.584	15.499.400.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.820.066.629)	(4.606.205.537)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	5.134.724.847	1.265.669.811
- Nguyên giá	228		5.213.103.840	1.316.209.640
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(78.378.993)	(50.539.829)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.998.358.348	6.514.830.608
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		74.618.134.487	33.747.951.958
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	74.821.936.816	30.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	3.619.922.558	3.747.951.958
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3.823.724.887)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.620.135.558	4.698.588.351
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.500.035.558	4.578.488.351
2. Tài sản dài hạn khác	268		120.100.000	120.100.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		487.148.799.191	389.678.570.078

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2009

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		260.172.219.877	158.533.861.745
I. Nợ ngắn hạn	310		223.165.346.131	158.517.797.053
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	190.720.706.151	121.276.209.641
2. Phải trả người bán	312		17.728.928.996	9.807.553.763
3. Người mua trả tiền trước	313		7.893.668.101	7.392.370.929
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	1.585.577.143	6.982.193.269
5. Phải trả người lao động	315		2.332.387.334	2.454.139.322
6. Chi phí phải trả	316		839.083.050	498.359.501
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	2.064.995.356	10.106.970.628
II. Nợ dài hạn	330		37.006.873.746	16.064.692
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	36.968.193.098	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		38.680.648	16.064.692
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		226.976.579.314	231.144.708.333
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	226.408.876.322	230.703.908.053
1. Vốn điều lệ	411		107.431.920.000	107.431.920.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79.266.897.909	79.266.897.909
3. Cổ phiếu quỹ	414		(2.089.741.544)	(2.089.741.544)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.340.056.655	7.966.476.132
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.104.135.042	3.346.611.778
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		19.355.608.260	34.781.743.778
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		567.702.992	440.800.280
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		567.702.992	440.800.280
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		487.148.799.191	389.678.570.078

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thị Hằng

Lê Thúy Đào

Hà Huy Thắng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	1.107.386.694.495	1.480.611.647.333
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	(7.500.464.974)	(50.642.343)
3. Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.099.886.229.521	1.480.561.004.990
4. Giá vốn hàng bán	11	20	1.064.151.852.936	1.423.935.328.027
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		35.734.376.585	56.625.676.963
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	36.323.532.264	43.951.942.191
7. Chi phí tài chính	22	22	21.063.483.143	39.006.206.288
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.157.405.419	24.699.591.631
8. Chi phí bán hàng	24		29.087.231.014	30.095.885.021
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.075.527.895	10.885.276.488
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		9.831.666.797	20.590.251.357
11. Thu nhập khác	31		2.911.787.909	1.358.670.485
12. Chi phí khác	32		78.851.885	236.282.637
13. Lợi nhuận (lỗ) khác (40=31-32)	40		2.832.936.024	1.122.387.848
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.664.602.821	21.712.639.205
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	1.454.237.553	5.677.836.029
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		11.210.365.268	16.034.803.176

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Hằng

Lê Thúy Đào

Hà Huy Thắng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.664.602.821
2. Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao tài sản cố định	02	1.793.038.670
Các khoản dự phòng	03	(8.247.572.737)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.279.157.805)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.782.108.233)
Chi phí lãi vay	06	9.157.405.419
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.306.208.135
(Tăng) các khoản phải thu	09	(20.064.875.893)
Giảm hàng tồn kho	10	74.088.557.604
Giảm các khoản phải trả	11	(3.817.308.384)
Giảm chi phí trả trước	12	2.893.647.336
Tiền lãi vay đã trả	13	(9.870.814.283)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	22.615.956
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.115.574.024)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	49.442.456.447
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(90.232.719.960)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(55.618.185.994)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	45.506.909.362
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(44.821.936.816)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	128.029.400
6. Tiền lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27	12.289.092.786
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(132.748.811.222)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	801.532.594.101
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(695.119.904.493)
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.983.388.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	90.429.301.608
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	7.122.946.833
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	22.148.821.059
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	29.271.767.892

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Hằng

Lê Thúy Đào

Hà Huy Thắng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex ("Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002720 lần đầu vào ngày 01/10/2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam nắm giữ 51,7% vốn điều lệ.

Tại ngày 31/12/2009, Công ty có 03 công ty con như sau:

- Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu Petrolimex Bình Dương (hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 2 số 3700891170 ngày 24/11/2009), địa chỉ: Ấp 1A, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Công ty TNHH một thành viên xuất nhập khẩu Petrolimex Hà Nội (hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104002024 ngày 09/10/2007), địa chỉ: Số 1, Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội; và
- Công ty TNHH một thành viên Sơn Petrolimex (hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309391013 ngày 25/9/2009), địa chỉ: Phòng 908 tầng 9, Cao ốc Centropoint, số 106 Nguyễn Văn Trỗi, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Và các chi nhánh:

- Xí nghiệp Nông sản Tân Uyên, địa chỉ: Ấp 3, xã Hội Nghĩa, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Nhà Máy Sơn Petrolimex, địa chỉ: 16 đường 6, VSIP2 huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2009 là 97 người (31/12/2008 là 70 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông lâm thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng;
- Mua bán, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu;
- Kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu; Kinh doanh vận tải xăng dầu; Đại lý kinh doanh xăng dầu; Mua bán sản phẩm hóa dầu (trừ gas);
- Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến hàng hóa xuất nhập khẩu (trừ chế biến thực phẩm tươi sống, tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí);
- Kinh doanh, đầu tư cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15/10/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn cổ đông trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15/10/2009. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 sẽ giảm 1.279.157.805 đồng và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2009 sẽ tăng một khoản tương ứng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền của Công ty bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng. Các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

0102
CÔ
TRÁCH
DE
VI
TỔNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hoá tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 - "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2006/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng, giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (Năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm quản lý. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao trên cơ sở thời gian thực tế được cấp, quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao. Các phần mềm quản lý được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính là từ 3 - 5 năm.

Chi phí đầu tư xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi kinh doanh chứng khoán, lãi trả chậm, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận cổ tức hoặc có quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày 31/12/2009 được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương (được chấp thuận bởi Bộ Tài chính tại Công văn số 1916/BTC-CĐKT ngày 20/2/2009 về việc áp dụng tỷ giá hối đoái trong hạch toán kế toán tại Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam). Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu tại ngày 31/12/2009.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Tiền mặt	22.527.938	61.482.167
Tiền gửi ngân hàng	29.249.239.954	22.087.338.892
	29.271.767.892	22.148.821.059

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	19.479.657.782	11.381.665.783
Đầu tư ngắn hạn khác (1)	8.023.200.000	11.351.318.104
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.974.394.782)	(5.368.155.522)
	24.528.463.000	17.364.828.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

(1) Là số tiền trả theo tiến độ hợp đồng khi thực hiện mua bất động sản. Cụ thể:

Bất động sản	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Quyền mua căn hộ R1.19.06 Everich	-	3.864.214.104
Quyền mua căn hộ The Manor Số 1419	-	1.265.899.000
Quyền mua căn hộ The Manor Số 1420	-	1.811.205.000
Nền nhà G12 dự án Công ty Thái Sơn	3.435.000.000	-
Quyền mua nền C51 Dự án Tân An Huy	3.240.000.000	-
Nền nhà A2-47 Dự án Phú Xuân Công ty Vạn Phát Hưng	1.348.200.000	-
Quyền mua nền Y14-An Phú Hưng	-	4.410.000.000
	8.023.200.000	11.351.318.104

Các khoản đầu tư vào bất động sản này là các khoản đầu tư quyền mua các căn hộ, đất nền tại các dự án và Công ty có dự định bán trong tương lai gần. Do vậy, Ban Giám đốc quyết định trình bày vào khoản mục các khoản đầu tư ngắn hạn để phản ánh đúng bản chất của nghiệp vụ đầu tư thay vì phản ánh vào khoản mục bất động sản đầu tư. Tại ngày 31/12/2009 và 31/12/2008, Ban Giám đốc Công ty xác định các khoản đầu tư này không bị giảm giá nên không trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Phải thu về lãi trả chậm theo hợp đồng (1)	5.552.418.096	9.228.127.170
Phải thu người lao động về khoản vay của ACB Tân Bình (2)	1.748.484.000	2.922.420.530
Phải thu khác	352.957.214	5.652.429.438
	7.653.859.310	17.802.977.138

(1) - Phản ánh các khoản lãi phải thu do khách hàng thanh toán tiền hàng không đúng với tiến độ theo quy định trong hợp đồng.

(2) - Phản ánh khoản phải thu một số cán bộ công nhân viên do Công ty thực hiện vay hộ từ Ngân hàng ACB Tân Bình cho mục đích mua chứng khoán của Công ty khi cổ phần hóa.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	5.790.045.225	-
Công cụ, dụng cụ	184.831.969	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	512.084.145	-
Thành phẩm	21.424.038	-
Hàng hóa	97.245.654.901	172.008.590.632
Hàng gửi đi bán	-	5.834.007.250
Tổng cộng	103.754.040.278	177.842.597.882
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(265.826.860)	(9.943.363.744)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	103.488.213.418	167.899.234.138

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo) MÃU B 09-DN
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2009	10.993.561.948	1.352.332.488	1.908.178.504	1.245.327.854	-	15.499.400.794
Mua trong năm	-	729.378.137	2.230.287.891	604.504.109	28.189.089	3.592.359.226
Đầu tư XDCB hoàn thành (1)	22.169.558.772	64.870.380.022	-	-	-	87.039.938.794
Tặng khác	100.000.000	120.000.000	-	-	-	220.000.000
Giảm khác	(120.000.000)	-	(506.000.000)	(90.920.230)	-	(716.920.230)
Tại ngày 31/12/2009	33.143.120.720	67.072.090.647	3.632.466.395	1.758.911.733	28.189.089	105.634.778.584
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2009	1.831.837.643	411.977.625	1.419.674.096	942.716.173	-	4.606.205.537
Trích khấu hao	1.009.356.880	263.335.016	213.528.879	275.715.922	3.262.809	1.765.199.506
Giảm khác	-	-	-	(506.000.000)	(45.338.414)	(551.338.414)
Tại ngày 31/12/2009	2.841.194.523	675.312.641	1.633.202.975	712.432.095	(42.075.605)	5.820.066.629
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2009	30.301.926.197	66.396.778.006	1.999.263.420	1.046.479.638	70.264.694	99.814.711.955
Tại ngày 31/12/2008	9.161.724.305	940.354.863	488.504.408	302.611.681	-	10.893.195.257

Nguyên giá của tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2009 là: 1.403.276.452 đồng

(1) Phản ánh giá trị xây dựng cơ bản dở dang chuyển thành tài sản cố định hữu hình trong năm của Nhà máy sơn Petrolimex. Toàn bộ giá trị Nhà máy sơn được dùng để thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương - thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 0009/NHNT ngày 04/3/2009 cho Hợp đồng vay dài hạn số 0011/ĐTDA/09/CD ngày 04/3/2009.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u> VND	<u>Phần mềm máy tính</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2009	1.205.192.140	111.017.500	1.316.209.640
Mua trong năm (1)	3.896.894.200	-	3.896.894.200
Tại ngày 31/12/2009	5.102.086.340	111.017.500	5.213.103.840
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2009	-	50.539.829	50.539.829
Trích khấu hao	-	27.839.164	27.839.164
Tại ngày 31/12/2009	-	78.378.993	78.378.993
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2009	5.102.086.340	32.638.507	5.134.724.847
Tại ngày 31/12/2008	1.205.192.140	60.477.671	1.265.669.811

(1) Quyền sử dụng đất để xây dựng nhà máy sản xuất Sơn Petrolimex tại lô đất số 231, 232 của khu Công nghiệp Vietship II, diện tích đất khoảng 12.400 m². Hiện tại quyền sử dụng đất này đang được thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 0010/NHNT ngày 04/3/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU PETROLIMEX

Số 54-56 Bùi Hữu Nghĩa, phường 5, quận 5,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Công trình Nhà máy sơn Petrolimex	1.806.644.746	6.476.735.370
Dự án đầu tư Nhà máy Hóa dầu Petrolimex	-	38.095.238
Dự án Nhà máy Hóa nhựa Petrolimex	191.713.602	-
	1.998.358.348	6.514.830.608

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Khoản đầu tư vào các công ty con trên được trình bày trong báo cáo tài chính riêng theo phương pháp giá gốc trừ dự phòng giảm giá. Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên Công ty con	Giá trị đầu tư tại 31/12/2009	Giá trị đầu tư tại 31/12/2008
	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành viên XNK Petrolimex Bình Dương	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên XNK Petrolimex Hà Nội	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Sơn Petrolimex	44.821.936.816	-
	74.821.936.816	30.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	(3.823.724.887)	-
Giá trị đầu tư thuần	70.998.211.929	30.000.000.000

Chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2009 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Một thành viên XNK Petrolimex Bình Dương	Bình Dương	100%	Kinh doanh XNK hàng nông lâm thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ: Hàng tiêu dùng (hàng công nghệ thực phẩm, thực phẩm công nghệ), máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng; Mua bán, sản xuất gia công, chế biến, XNK khoáng sản hàng hóa, kim loại màu (không sản xuất, gia công, chế biến tại, trụ sở). ..
Công ty TNHH Một thành viên XNK Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	Mua bán, xuất nhập khẩu hàng nông lâm thủy hải sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị ngành công, nông nghiệp, phương tiện vận tải, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng; Mua bán, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu; Đại lý, sản xuất, gia công, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản hàng hóa, kim loại màu...
Công ty TNHH Một Thành viên Sơn Petrolimex	Hồ Chí Minh	100%	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, matit (không phải sản xuất tại trụ sở); Bán buôn sơn, vecni, bán lẻ sơn, màu, vecni trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh các mặt hàng khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty CP Sơn Đồng Nai	3.619.922.558	3.507.903.958
Công ty CP Khoáng sản Hà Giang	-	240.048.000
	<u>3.619.922.558</u>	<u>3.747.951.958</u>

Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai 3.619.922.558 đồng (tương đương với 146.836 cổ phần) chiếm tỷ lệ 10,88% vốn điều lệ. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng các khoản đầu tư này và nhận thấy không có dấu hiệu giảm giá do vậy Công ty không phải ghi nhận dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế tiêu thu đặc biệt	-	299.783.577
Thuế xuất nhập khẩu	818.585.398	5.101.947.511
Thuế thu nhập doanh nghiệp	580.777.699	651.595.513
Thuế thu nhập cá nhân	115.094.058	658.223.723
Các loại thuế khác	71.119.988	270.642.945
	<u>1.585.577.143</u>	<u>6.982.193.269</u>

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay và nợ ngắn hạn	190.720.706.151	121.276.209.641
	<u>190.720.706.151</u>	<u>121.276.209.641</u>

Công ty thực hiện vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay được thực hiện dưới hình thức tín chấp, thời hạn và lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ, chi tiết như sau:

	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	21.071.210.920	48.799.474.396
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	71.080.535.172	58.784.562.756
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	14.749.092.000	-
Ngân hàng TMCP Xăng dầu	83.819.868.059	8.900.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	4.792.172.489
	<u>190.720.706.151</u>	<u>121.276.209.641</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội BHYT	45.852.121	40.442.418
Kinh phí công đoàn	116.099.766	115.276.750
Phải trả các khoản vay hộ cán bộ công nhân viên (1)	1.579.940.792	2.810.000.000
Phải trả do vay hộ các công ty con	-	6.500.000.000
Các khoản khác	323.102.677	641.251.460
	2.064.995.356	10.106.970.628

(1) Phản ánh các khoản phải trả Ngân hàng ACB Tân Bình do Công ty thực hiện vay hộ cho một số cán bộ công nhân viên của Công ty để mua cổ phiếu của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa.

17. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay dài hạn với số tiền 36.968.193.098 đồng tại ngày 31/12/2009 phản ánh số tiền vay theo Hợp đồng vay vốn dài hạn số 0011/ĐTDA/09/CD ngày 04/3/2009 ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng có hạn mức tín dụng 50 tỷ đồng, mục đích vay để đầu tư dự án. Thời hạn cho vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Ân hạn nợ gốc là 21 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản thế chấp bao gồm:

- Tài sản hình thành trong tương lai của nhà Nhà máy sơn Petrolimex có giá trị định giá tạm thời là 61.053.829.200 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 0009/NHNT ngày 04/3/2009;
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Nhà máy sơn Petrolimex tại lô đất số 231, 232 của khu công nghiệp Vietship II, diện tích đất khoảng 12.400 m² có giá trị định giá là 26.856.876.218 đồng theo Hợp đồng thế chấp số 0010/NHNT ngày 04/3/2009.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2008	97.704.790.000	79.266.897.909	(800.000)	1.966.476.132	1.346.611.778	43.028.628.537	223.312.604.356
Tăng vốn	9.727.130.000	-	-	-	-	-	9.727.130.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	16.034.803.176	16.034.803.176
Phân phối quỹ	-	-	-	6.000.000.000	2.000.000.000	(9.584.949.300)	(1.584.949.300)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(14.506.195.100)	(14.506.195.100)
Giảm khác	-	-	(2.088.941.544)	-	-	(190.543.535)	(2.279.485.079)
Tại 31/12/2008	107.431.920.000	79.266.897.909	(2.089.741.544)	7.966.476.132	3.346.611.778	34.781.743.778	230.703.908.053
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	11.210.365.268	11.210.365.268
Phân phối quỹ	-	-	-	9.373.580.523	2.000.000.000	(12.373.580.523)	(1.000.000.000)
Tăng khác	-	-	-	-	-	1.720.467.737	1.720.467.737
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(242.476.736)	-	(242.476.736)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(15.983.388.000)	(15.983.388.000)
Tại 31/12/2009	107.431.920.000	79.266.897.909	(2.089.741.544)	17.340.056.655	5.104.135.042	19.355.608.260	226.408.876.322

Trích quỹ đầu tư phát triển trong năm là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% số phải nộp năm 2006 và 2007 theo quy định tại Công văn số 11924/TC-CST ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính về việc “Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức niêm yết chứng khoán”. Ban Giám đốc Công ty quyết định bổ sung khoản thuế được miễn giảm này vào Quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại Công văn số 499 TC/TCDN ngày 16/01/2002 của Bộ Tài chính về việc “Quản lý hạch toán khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm tại các doanh nghiệp nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 số 16/2009/NQ-ĐHCD ngày 20/3/2009, Công ty đã chi trả cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế năm 2008 cho các cổ đông là 15%/cổ phần và trích lập Quỹ dự phòng tài chính với số tiền 2.000.000.000 đồng, Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền 1.000.000.000 đồng.

Chi tiết vốn điều lệ như sau:

	Vốn điều lệ			Vốn thực góp đến 31/12/2009		
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền VND	Số cổ phần	Tỷ lệ	Thành tiền VND
Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam	5.553.900	51,70%	55.539.000.000	5.553.900	51,70%	55.539.000.000
Các cổ đông khác	5.189.292	48,30%	51.892.920.000	5.189.292	48,30%	51.892.920.000
	10.743.192		107.431.920.000	10.743.192		107.431.920.000

Cổ phiếu:

		31/12/2009	31/12/2008
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	Cổ phần	10.743.192	10.743.192
Cổ phiếu phổ thông		10.743.192	10.743.192
Số lượng cổ phiếu được mua lại	Cổ phần	87.600	87.600
Cổ phiếu phổ thông		87.600	87.600
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	Cổ phần	10.655.592	10.655.592
Cổ phiếu phổ thông		10.655.592	10.655.592
Mệnh giá mỗi cổ phần	VND	10.000	10.000

19. DOANH THU

	2009	2008
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.107.366.149.040	1.480.241.488.311
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.545.455	370.159.022
	1.107.386.694.495	1.480.611.647.333
Các khoản giảm trừ doanh thu	(7.500.464.974)	(50.642.343)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.099.886.229.521	1.480.561.004.990

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2009	2008
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	1.073.704.221.070	1.413.935.980.983
Giá vốn cung cấp dịch vụ	125.168.750	55.983.300
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(9.677.536.884)	9.943.363.744
	1.064.151.852.936	1.423.935.328.027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009	2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.574.178.270	552.418.807
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	3.822.370.940	13.445.580.680
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.858.916.578	1.682.020.120
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19.153.028.514	14.683.079.489
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.279.157.805	-
Lãi bán hàng trả chậm	3.602.253.159	9.664.219.403
Thu về hoạt động đầu tư BĐS	1.033.626.998	3.861.393.046
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	63.230.646
	36.323.532.264	43.951.942.191

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009	2008
	VND	VND
Chi phí đi vay	9.157.405.419	24.699.591.631
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	(27.336.105)
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.243.715.291	1.528.007.819
Dự phòng các khoản đầu tư	3.823.724.887	4.743.700.639
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.906.574.003	7.049.481.555
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	112.808.574
Chi về hoạt động đầu tư BĐS	932.063.543	845.409.775
Chi phí tài chính khác	-	54.542.400
	21.063.483.143	39.006.206.288

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2009	2008
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.664.602.821	21.712.639.205
Trong đó:	.	
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	12.563.039.366	18.972.012.753
Lợi nhuận từ kinh doanh bất động sản	101.563.455	2.740.626.452
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	5.858.916.578	1.681.611.871
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.858.916.578	1.681.611.871
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	246.600.000	278.431.973
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	112.808.574
Thù lao thành viên hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia vào hoạt động Công ty	246.600.000	82.872.000
Tiền phạt		82.751.399
Thu nhập chịu thuế	7.052.286.243	20.309.459.307
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.763.071.561	5.677.836.029
Thuế thu nhập được giảm (*)	308.834.007	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.454.237.553	5.677.836.029

(*) Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính, Công ty thuộc diện được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong Quý 4/2008 và năm 2009 do đáp ứng điều kiện có số lao động nhỏ hơn 300 người.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>2009</u> <u>VND</u>	<u>2008</u> <u>VND</u>
Bán hàng			
Công ty TNHH Một Thành viên XNK Petrolimex Bình Dương	Con	8.990.657.509	1.494.954.000
Công ty TNHH Một Thành viên XNK Petrolimex Hà Nội	Con	2.028.291.667	-
Mua hàng			
Công ty TNHH Một Thành viên XNK Petrolimex Bình Dương	Con	8.955.275.509	35.580.064.922
Công ty TNHH Một Thành viên XNK Petrolimex Hà Nội	Con		
Công ty TNHH Một Thành viên Sơn Petrolimex	Con		
Công ty Xăng Dầu Lâm Đồng	Thành viên của Petrolimex	24.920.195.294	132.164.378.297
Công ty Xăng Dầu Bà Rịa Vũng Tàu	Thành viên của Petrolimex	31.822.090.159	28.064.922.059
Công ty Xăng Dầu Đồng Nai	Thành viên của Petrolimex	24.887.291.715	6.391.678.822

Số dư công nợ phải thu, phải trả với các bên liên quan:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2009</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2008</u> <u>VND</u>
Công nợ phải thu			
Công ty TNHH Một Thành viên XNK Petrolimex Bình Dương	Con	-	2.048.620.805
Công nợ phải trả			
Công ty Xăng Dầu Bà Rịa Vũng Tàu	Thành viên của Petrolimex	7.143.941.464	
Công ty Xăng Dầu Đồng Nai	Thành viên của Petrolimex	-	405.756.000
Công ty TNHH Một Thành viên XNK Petrolimex Hà Nội	Con	18.200.000	7.015.957.160
		<u>2008</u> <u>VND</u>	<u>2009</u> <u>VND</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc		1.516.966.000	1.383.083.500

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác. Đây là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp nên báo cáo lưu chuyển tiền tệ không có số liệu so sánh.